

| STT         | Tên đường                                                                                                            | Đoạn đường                                            |                                                                  | Giá đất   |          |          |           |          |           |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------|----------|----------|-----------|----------|-----------|
|             |                                                                                                                      |                                                       |                                                                  | Khu vực 1 |          |          | Khu vực 2 |          | Khu vực 3 |
|             |                                                                                                                      | Từ                                                    | Đến                                                              | Vị trí 1  | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 1  | Vị trí 2 |           |
| 47          | Đường Phan Đình Giót                                                                                                 | Đường Thanh Niên                                      | Đường Bể Ván Đàn                                                 | 175       |          |          |           |          |           |
| 48          | Phố La Văn Cầu                                                                                                       | Đường Nguyễn Văn Linh                                 | Đường Hoàng Quốc Việt                                            | 325       |          |          |           |          |           |
| 49          | Phố Nguyễn Du                                                                                                        | Đường Trần Phú                                        | Đường Võ Nguyên Giáp                                             | 415       |          |          |           |          |           |
| 50          | Quốc lộ 4D                                                                                                           | Từ Trạm Kiểm tra tải trọng 058                        | Trường mầm non Bình Lư +200m                                     | 210       | 90       | 75       |           |          |           |
| 51          | Đường Vừ A Dính                                                                                                      | Giao với nút giao đường Bể Ván Đàn - đường Thanh Niên | Giao với đường Tác Tĩnh                                          | 90        |          |          |           |          |           |
| 52          | Đường Lò Văn Hặc                                                                                                     | Giao với đường Võ Nguyên Giáp(Km 57+550, bên trái)    | Giao với đường Nguyễn Hữu Thọ                                    | 160       |          |          |           |          |           |
| 53          | Sắp xếp dân cư bản Tác Tĩnh, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường cũ                                                  | Toàn khu                                              |                                                                  | 120       |          |          |           |          |           |
| 54          | Đường Lương Định Của                                                                                                 | Đường Trần Phú                                        | Ngã 3 đi bản Nà Đon, xã Bình Lư                                  | 480       | 130      | 85       |           |          |           |
| 55          | Ngõ 1 đường 21/9                                                                                                     | Đầu đường                                             | Cuối đường                                                       | 600       |          |          |           |          |           |
| 56          | Đường Bể Ván Đàn                                                                                                     | Đường Phan Đình Giót                                  | Đường Vừ A Dính                                                  | 90        |          |          |           |          |           |
| 57          | Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tam Đường cũ                                                                |                                                       |                                                                  | 74        |          |          |           |          |           |
| 58          | Xã Sơn Bình cũ                                                                                                       |                                                       |                                                                  | 170       | 55       | 32       | 55        | 42       | 42        |
| 59          | Xã Bình Lư cũ                                                                                                        |                                                       |                                                                  | 190       | 100      | 77       | 153       | 92       | 42        |
| <b>XI</b>   | <b>XÃ TÀ LÈNG</b>                                                                                                    |                                                       |                                                                  |           |          |          |           |          |           |
| 1           | Di chuyển dân cư bản Phố Hồ Thầu, xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường cũ ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai (Toàn khu) |                                                       |                                                                  | 120       |          |          |           |          |           |
| 2           | Xã Hồ Thầu cũ                                                                                                        |                                                       |                                                                  | 120       | 55       | 32       | 55        | 42       | 42        |
| 3           | Xã Giang Ma cũ                                                                                                       |                                                       |                                                                  | 120       | 46       | 33       | 54        | 33       | 33        |
| 4           | Xã Tà Lèng cũ                                                                                                        |                                                       |                                                                  | 75        | 53       | 32       | 53        | 42       | 42        |
| <b>XII</b>  | <b>XÃ KHUN HÁ</b>                                                                                                    |                                                       |                                                                  |           |          |          |           |          |           |
| 1           | Quốc lộ 32                                                                                                           | Giáp địa phận phường Tân Phong                        | Hết địa phận xã Khun Há                                          | 125       | 75       | 50       |           |          |           |
| 2           | Khu tái định cư Đông Pao 2 (Toàn khu)                                                                                |                                                       |                                                                  | 120       |          |          |           |          |           |
| 3           | Khu tái định cư trung tâm xã Bản Hòn (Toàn khu)                                                                      |                                                       |                                                                  | 120       |          |          |           |          |           |
| 4           | Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Bản Hòn cũ                                                                        |                                                       |                                                                  | 80        | 53       | 32       | 55        | 42       | 42        |
| 5           | Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Khun Há cũ                                                                        |                                                       |                                                                  | 70        | 50       | 32       | 50        | 32       | 32        |
| <b>XIII</b> | <b>XÃ SIN SUỐI HỒ</b>                                                                                                |                                                       |                                                                  |           |          |          |           |          |           |
| 1           | Khu tái định cư xã Thèn Sin cũ (Toàn khu)                                                                            |                                                       |                                                                  | 120       |          |          |           |          |           |
| 2           | Di dân khỏi vùng thiên tai tại bản Pan Khèo, xã Thèn Sin, huyện Tam Đường cũ (Toàn khu)                              |                                                       |                                                                  | 120       |          |          |           |          |           |
| 3           | Xã Sin Suối Hồ cũ                                                                                                    |                                                       |                                                                  | 160       | 90       | 55       | 75        | 55       | 42        |
| 4           | Xã Nậm Xe cũ                                                                                                         |                                                       |                                                                  | 190       | 100      | 65       | 116       | 74       | 42        |
| 5           | Xã Thèn Sin cũ                                                                                                       |                                                       |                                                                  | 170       | 46       | 33       | 54        | 33       | 33        |
| <b>XIV</b>  | <b>XÃ PHONG THỎ</b>                                                                                                  |                                                       |                                                                  |           |          |          |           |          |           |
| 1           | Đường Điện Biên Phủ                                                                                                  | Cầu Pa So                                             | Km 20+200 (Nhà máy nước)                                         | 1.600     |          |          |           |          |           |
| 2           | Đường Điện Biên Phủ                                                                                                  | Km20+200                                              | Km21+85 (Hết đường đôi)                                          | 1.250     | 770      | 300      |           |          |           |
| 3           | Đường Điện Biên Phủ                                                                                                  | Km21+85 (Hết đường đôi)                               | Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ) | 700       | 300      | 140      |           |          |           |
| 4           | Đường Điện Biên Phủ                                                                                                  | Km0                                                   | Km1 + 100                                                        | 1.550     |          |          |           |          |           |
| 5           | Đường Điện Biên Phủ                                                                                                  | Km1 + 100                                             | Km1 + 600                                                        | 1.250     | 750      |          |           |          |           |
| 6           | Quốc lộ 4D                                                                                                           | Từ Km1 + 600                                          | Km6 + 300                                                        | 1.035     | 605      | 420      |           |          |           |
| 7           | Quốc lộ 4D                                                                                                           | Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)              | Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)                   | 395       | 245      | 150      |           |          |           |
| 8           | Quốc lộ 4D                                                                                                           | Km6 + 900                                             | Đầu nối quốc lộ 100                                              | 110       | 70       | 60       |           |          |           |
| 9           | Đường Võ Nguyên Giáp                                                                                                 | Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)     | Cầu sang khu ĐC Huôi Luông                                       | 650       | 290      | 150      |           |          |           |

| STT         | Tên đường                                             | Đoạn đường                                                       |                                               | Giá đất   |          |          |           |          |           |
|-------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------|----------|----------|-----------|----------|-----------|
|             |                                                       |                                                                  |                                               | Khu vực 1 |          |          | Khu vực 2 |          | Khu vực 3 |
|             |                                                       | Từ                                                               | Đến                                           | Vị trí 1  | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 1  | Vị trí 2 |           |
| 10          | Đường Võ Nguyên Giáp                                  | Đầu cầu sang khu TDC Huổi Luông                                  | Cầu Pa So                                     | 1.100     |          |          |           |          |           |
| 11          | Đường Võ Nguyên Giáp                                  | Cầu Pa So                                                        | Cầu Hòa Bình                                  | 1.250     |          |          |           |          |           |
| 12          | Phố Bể Văn Đàn                                        | Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ                                    | Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ                 | 950       |          |          |           |          |           |
| 13          | Đường Chu Văn An                                      | Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ                                    | Phố Nguyễn Chương                             | 950       |          |          |           |          |           |
| 14          | Đường Chu Văn An                                      | Phố Nguyễn Chương                                                | Hết Ngân hàng chính sách                      | 950       |          |          |           |          |           |
| 15          | Đường Chu Văn An                                      | Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ                                    | Phố Võ Thị Sáu                                | 950       |          |          |           |          |           |
| 16          | Đường Chu Văn An                                      | Phố Võ Thị Sáu                                                   | Phố Vừ A Dính                                 | 750       |          |          |           |          |           |
| 17          | Đường Chu Văn An                                      | Phố Vừ A Dính                                                    | Ngân hàng chính sách                          | 600       |          |          |           |          |           |
| 18          | Phố Nguyễn Chương                                     | Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ                                    | Đường Chu Văn An                              | 950       |          |          |           |          |           |
| 19          | Phố Võ Thị Sáu                                        | Trung tâm chính trị                                              | Ngân hàng chính sách                          | 950       |          |          |           |          |           |
| 20          | Phố Vừ A Dính                                         | Phố Võ Thị Sáu                                                   | Đường Chu Văn An                              | 750       |          |          |           |          |           |
| 21          | Phố Nguyễn Viết Xuân                                  | Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp                                   | Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp                | 900       |          |          |           |          |           |
| 22          | Phố Tôn Thất Tùng                                     | Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp                                   | Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp                | 900       |          |          |           |          |           |
| 23          | Đường Nguyễn Chí Thanh                                | Tiếp giáp QL12                                                   | Tiếp giáp QL12 (Công an xã)                   | 600       |          |          |           |          |           |
| 24          | Quốc lộ 12                                            | Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ) | Km25+500 (Hết địa phận Thị trấn Phong Thổ cũ) | 340       | 210      | 160      |           |          |           |
| 25          | Phố Nguyễn Văn Trỗi                                   | Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp                                   | Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp                | 900       |          |          |           |          |           |
| 26          | Phố Tô Vĩnh Diện                                      | Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp                                   | Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp                | 900       |          |          |           |          |           |
| 27          | Phố Trần Can                                          | Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp                                   | Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp                | 900       |          |          |           |          |           |
| 28          | Phố Phan Đình Giót                                    | Tiếp giáp phố Trần Can                                           | Tiếp Giáp đường Võ Nguyên Giáp                | 900       |          |          |           |          |           |
| 29          | Đường Thanh Niên                                      | Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp                                   | Cầu Hòa Bình                                  | 900       |          |          |           |          |           |
| 30          | Các tuyến đường thuộc thôn Đoàn Kết                   |                                                                  |                                               | 140       |          |          |           |          |           |
| 31          | Phố đi bộ                                             | Tiếp giáp với đầu cầu Pa So (Km19+800 QL12)                      | Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Km20+050 QL12) | 1500      |          |          |           |          |           |
| 32          | <b>Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng</b>               |                                                                  |                                               |           |          |          |           |          |           |
| 32.1        | Quốc lộ 12                                            | Tiếp giáp đường số 5                                             | Tiếp giáp đường số 8                          | 1.400     | 900      |          |           |          |           |
| 32.2        | Đường số 4                                            | Tiếp giáp đường số 9                                             | Tiếp giáp đường số 5                          | 530       |          |          |           |          |           |
| 32.3        | Đường số 5                                            | Tiếp giáp đường số 4                                             | Tiếp giáp đường số 9                          | 400       |          |          |           |          |           |
| 32.4        | Đường số 8                                            | Tiếp giáp QL 12                                                  | Tiếp giáp đường số 3                          | 670       |          |          |           |          |           |
| 32.5        | Đường số 9                                            | Tiếp giáp đường số 4                                             | Tiếp giáp đường số 5                          | 400       |          |          |           |          |           |
| 32.6        | Đường số 13 (đường cắt)                               | Tiếp giáp đường số 3                                             | Cuối đường                                    | 530       |          |          |           |          |           |
| 32.7        | Đường số 15                                           | Tiếp giáp QL 12                                                  | Tiếp giáp đường số 1                          | 400       |          |          |           |          |           |
| 33          | Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Phong Thổ cũ |                                                                  |                                               | 400       |          |          |           |          |           |
| 34          | Xã Mường So cũ                                        |                                                                  |                                               | 400       |          |          |           |          |           |
| 35          | Xã Ma Li Pho cũ                                       |                                                                  |                                               | 400       |          |          |           |          |           |
| 36          | Xã Huổi Luông cũ                                      |                                                                  |                                               | 530       |          |          |           |          |           |
| <b>XV</b>   | <b>XÃ DÀO SAN</b>                                     |                                                                  |                                               | 530       |          |          |           |          |           |
| 1           | Xã Đào San cũ                                         |                                                                  |                                               | 530       |          |          |           |          |           |
| 2           | Xã Tung Qua Lìn cũ, xã Mù Sang cũ                     |                                                                  |                                               | 400       |          |          |           |          |           |
| <b>XVI</b>  | <b>XÃ SÌ LỜ LẬU</b>                                   |                                                                  |                                               | 60        |          |          |           |          |           |
| 1           | Xã Vàng Ma Chải cũ, xã Sì Lờ Lậu cũ                   |                                                                  |                                               | 380       | 210      | 130      | 150       | 95       | 53        |
| 2           | Xã Mỏ Sỉ San cũ, xã Pa Vây Sừ cũ                      |                                                                  |                                               | 230       | 120      | 75       | 120       | 90       | 53        |
| <b>XVII</b> | <b>XÃ KHỔNG LÃO</b>                                   |                                                                  |                                               | 190       | 100      | 65       | 116       | 74       | 42        |
| 1           | Xã Khổng Lão cũ                                       |                                                                  |                                               |           |          |          |           |          |           |
| 2           | Xã Hoang Thên cũ, xã Bản Lang cũ                      |                                                                  |                                               | 200       | 100      | 65       | 120       | 74       | 43        |